

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY TNHH MTV
QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ
THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 31
8. Phụ lục	32 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi theo Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300649250, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3892 2258 – 3892 2613
- Fax : +84 (028) 3796 1355

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gồm:

- Hoạt động công ích: quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, thủy nông trên địa bàn thành phố; quản lý nước phục vụ dân sinh, kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái;
- Hoạt động kinh doanh khác: dịch vụ về cấp nước, thải nước khu dân cư; thi công xây lắp công trình thủy lợi và dân dụng; đo đạc địa chính; lập dự toán công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng công trình cầu đường, bến cảng; chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí giao thông, thủy lợi; sản xuất và cung ứng giống cây trồng và vật nuôi các loại; kinh doanh vật tư, thiết bị, công cụ và mua bán sản phẩm nông nghiệp; tư vấn kỹ thuật nông nghiệp; lập dự toán công trình cấp thoát nước, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, cơ khí thuộc dự án nhóm B; lập dự án quy hoạch, dự án đầu tư công trình cấp thoát nước, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, cơ khí thuộc dự án nhóm B; xây dựng các công trình bến cảng, kho bãi; mua bán các mặt hàng phục vụ cho nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị, vật tư, sản phẩm, nguyên liệu ngành xây dựng và thủy lợi, thương mại, dịch vụ; thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); khảo sát địa hình xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi (xây dựng và hoàn thiện); thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (xây dựng và hoàn thiện).

Công ty có Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là “Ban Quản lý dự án”) đặt tại địa chỉ ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân, không được mở tài khoản tại ngân hàng và chi nhánh Kho bạc Nhà nước.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Đức	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Đam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Đoàn Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thị Tuyết Nhung (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021).

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Đam	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Phạm Văn Nhiên	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2022
Ông Bùi Kinh Luân	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hải	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Đam – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Đam
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2023



Số: 1.0426/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI
TP. HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

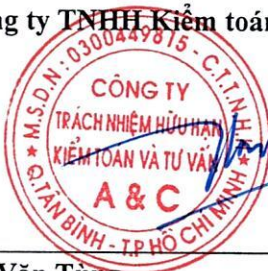
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tài sản cố định hữu hình bao gồm thiết bị quản lý, tài sản cố định hữu hình khác – Tài sản phục vụ hoạt động thủy lợi công ích nhận bàn giao từ các Ban Quản lý dự án của TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.8 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp) được ghi tăng tài sản cố định hữu hình và tăng nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Các tài sản cố định hữu hình nêu trên được ghi nhận theo giá trị tại ngày bàn giao và không được tính khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Hoàng Yến

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bom, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.339.651.963	88.738.352.501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.547.143.771	58.749.225.426
1. Tiền	111		34.547.143.771	23.749.225.426
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	35.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.758.963.200	4.600.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.11a	4.758.963.200	4.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.722.785.334	24.110.905.085
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.060.557.842	11.653.079.637
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3a	1.692.375.549	15.223.410.959
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.010.222.443	1.751.004.354
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.040.370.500)	(4.516.589.865)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		46.492.519	954.399.472
1. Hàng tồn kho	141	V.6	46.492.519	954.399.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		264.267.139	323.822.518
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	219.355.399	134.234.751
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	44.911.740	189.587.767
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.004.939.726.968	2.908.103.390.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	783.074.240
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3b	-	783.074.240
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.066.329.358.403	1.066.967.832.273
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.065.856.994.123	1.066.476.881.047
- Nguyên giá	222		1.171.799.466.097	1.169.554.542.034
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.942.471.974)	(103.077.660.987)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	472.364.280	490.951.226
- Nguyên giá	228		1.328.059.550	1.229.059.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(855.695.270)	(738.108.324)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.930.174.613.969	1.832.073.208.221
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.930.174.613.969	1.832.073.208.221
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.265.525.000	8.265.525.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11b	3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11a	5.265.525.000	5.265.525.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		170.229.596	13.750.963
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	170.229.596	13.750.963
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.084.279.378.931	2.996.841.743.198

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bom, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		123.388.513.973	165.419.720.888
I. Nợ ngắn hạn	310		121.913.827.748	164.085.155.651
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	48.779.523.548	35.604.577.875
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	54.338.924.639	108.288.746.134
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	171.383.705	202.791.032
4. Phải trả người lao động	314		9.027.106.403	11.915.625.858
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	98.462.624	515.610.749
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	1.638.298.036	726.967.158
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	1.424.490.775	621.351.585
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	6.435.638.018	6.209.485.260
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.474.686.225	1.334.565.237
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	260.967.200	260.967.200
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	95.800.000	5.800.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19	1.117.919.025	1.067.798.037

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bom, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.960.890.864.958	2.831.422.022.310
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.759.798.872.902	2.630.330.030.254
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a,b	655.893.456.506	655.893.456.506
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.20a,b	228.839.412.354	228.638.942.074
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	-	200.470.280
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	(46.923.895.225)	(94.455.282.686)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(47.721.520.390)	(94.455.282.686)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		797.625.165	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.20a	1.921.989.899.267	1.840.052.444.080
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		201.091.992.056	201.091.992.056
1. Nguồn kinh phí	431	V.20a	165.041.000	165.041.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.20a	200.926.951.056	200.926.951.056
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.084.279.378.931	2.996.841.743.198

Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lậpNguyễn Thị Hải
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đam
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	107.660.996.844	94.573.742.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		107.660.996.844	94.573.742.618
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90.096.416.045	78.119.278.397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.564.580.799	16.454.464.221
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.646.838.818	1.671.208.751
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.200.306	107.484.950
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.173.153.369	1.089.541.838
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	17.074.854.357	14.580.674.694
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		959.211.585	2.347.971.490
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.286.242.440	104.974.647
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	7.498.209.339
13. Lợi nhuận khác	40		1.286.242.440	(7.393.234.692)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.245.454.025	(5.045.263.202)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.133.458.860	920.772.614
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.111.995.165</u>	<u>(5.966.035.816)</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lậpNguyễn Thị Hải
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.245.454.025	(5.045.263.202)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9,19	2.937.919.243	2.903.013.868
- Các khoản dự phòng	03	V.5,17	1.431.747.589	504.621.335
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.646.838.818)	(1.671.208.751)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.19	94.599.678	455.298.387
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.062.881.717	(2.853.538.363)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		52.578.129.258	3.242.224.567
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		907.906.953	(106.540.035)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(56.635.990.059)	(390.522.655)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(241.599.281)	14.925.487
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.088.066.764)	(760.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	30.361.343	32.818.487
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17,18	(3.978.642.762)	(4.532.463.891)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.365.019.595)	(5.353.096.403)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		V.3a,8,9		
	21	V.10,12a	(86.375.574.317)	(82.132.924.921)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(158.963.200)	(8.265.525.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1.646.838.818	1.671.208.751
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84.887.698.699)	(88.727.241.170)

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20a	94.050.636.639	92.159.798.638
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		94.050.636.639	92.159.798.638
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.797.918.345	(1.920.538.935)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	58.749.225.426	60.669.764.361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	64.547.143.771	58.749.225.426

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lậpNguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Đam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thi công xây lắp công trình thủy lợi; dịch vụ cấp nước, thải nước khu dân cư; quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, thủy nông trên địa bàn thành phố; quản lý nước phục vụ dân sinh, kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình đặt tại địa chỉ Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 312 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 317 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa Công ty với đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 6 năm. Các chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	12

Hao mòn tài sản cố định được phân loại là tài sản hạ tầng giao thông thủy lợi tuân thủ theo quy định của Thông tư 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 được thực hiện mỗi năm một lần vào tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán. Trường hợp tài sản có thời gian tính hao mòn lớn hơn hoặc bằng 6 (sáu) tháng thì tính tròn 1 (một) năm; trường hợp tài sản có thời gian tính hao mòn dưới 6 (sáu) tháng thì không tính hao mòn. Tỷ lệ hao mòn của tài sản hạ tầng giao thông thủy lợi là 10%/năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (từ 5 đến 20 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc, thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau hoặc tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Quyết toán tài chính hàng năm được phê duyệt của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	31.240.109	58.229.249
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>31.240.109</i>	<i>58.229.249</i>
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.515.903.662	23.690.996.177
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>5.845.493.110</i>	<i>4.722.899.321</i>
<i>Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình</i>	<i>28.670.410.552</i>	<i>18.968.096.856</i>
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	30.000.000.000	35.000.000.000
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>25.000.000.000</i>
<i>Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
Cộng	64.547.143.771	58.749.225.426

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư BT	-	1.920.950.200
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	5.822.186.688	5.918.331.870
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bảo Trân	-	979.049.800
Các khách hàng khác	2.238.371.154	2.834.747.767
Cộng	8.060.557.842	11.653.079.637

3. Trả trước cho người bán**3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	108.984.000	937.060.576
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình	1.583.391.549	14.286.350.383
<i>Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh</i>	<i>-</i>	<i>197.121.936</i>
<i>Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh</i>	<i>76.780.000</i>	<i>13.331.385.636</i>
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	<i>1.506.611.549</i>	<i>757.842.811</i>
Cộng	1.692.375.549	15.223.410.959

Trong đó, công nợ trả trước người bán liên quan mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản là 1.583.391.549 VND (số đầu năm là 14.286.350.383 VND)

3b. Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng điện và Tự động hóa ACE	-	499.589.440
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Phú	-	283.484.800
Cộng	-	783.074.240

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	217.507.785	-	674.929.930	-
Tạm ứng	623.397.114	-	852.382.857	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	169.317.544	-	223.691.567	-
Cộng	1.010.222.443	-	1.751.004.354	-

5. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư BT		-	-	Trên 3 năm	1.920.950.200	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bảo Trân		-	-	Trên 3 năm	979.049.800	-
Ban Quản lý dự án Nạo vét cải tạo rạch Cầu Sa		-	-	Trên 3 năm	24.563.000	-
Công ty TNHH Nam Phương	Trên 3 năm	91.436.625	-	Trên 3 năm	91.436.625	-
Công ty Cổ phần Tàu Cuốc - Xi nghiệp Thi công Cơ giới	Trên 3 năm	500.000.000	-	Từ 2 đến 3 năm	500.000.000	150.000.000
	Từ 2 đến 3 năm	50.000.000	-	Từ 1 đến 2 năm	100.000.000	50.000.000
Ông Trần Văn Thành		-	-	Trên 3 năm	247.516.000	-
Ông Nguyễn Hữu Phước	Trên 3 năm	12.414.644	3.724.393	Trên 3 năm	12.414.644	12.414.644
Ông Phạm Hưng Long	Trên 3 năm	341.764.424	-	Trên 3 năm	341.764.424	271.764.424
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện và Tự động hóa ACE		-	-	Trên 3 năm	499.589.440	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Phú		-	-	Trên 3 năm	283.484.800	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Intertour Việt Nam	Trên 2 năm dưới 3 năm	69.256.000	20.776.800			
Cộng		1.064.871.693	24.501.193		5.000.768.933	484.179.068

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(4.516.589.865)	(4.346.589.865)
Trích lập dự phòng bổ sung	(478.933.875)	(170.000.000)
Sử dụng dự phòng để xử lý nợ	3.955.153.240	-
Cộng	(1.040.370.500)	(4.516.589.865)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	46.492.519	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	924.381.772
Hàng hóa	-	30.017.700
Cộng	46.492.519	954.399.472

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	219.355.399	57.853.724
Chi phí khác	-	76.381.027
Cộng	219.355.399	134.234.751

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	42.600.989	13.750.963
Chi phí trả trước dài hạn khác	127.628.607	-
Cộng	170.229.596	13.750.963

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 1 đính kèm.

Các tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 849.551.776.581 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 849.551.776.581 VND) phục vụ hoạt động thủy lợi công ích nhận bàn giao từ các Ban Quản lý dự án của TP. Hồ Chí Minh không được tính khấu hao.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	660.892.750	568.166.800	1.229.059.550
Mua trong năm	-	99.000.000	99.000.000
Số cuối năm	660.892.750	667.166.800	1.328.059.550
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	460.892.750	36.000.000	496.892.750
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	582.828.185	155.280.139	738.108.324
Khấu hao trong năm	9.999.996	107.586.950	117.586.946
Số cuối năm	592.828.181	262.867.089	855.695.270
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	78.064.565	412.886.661	490.951.226
Số cuối năm	68.064.569	404.299.711	472.364.280
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	22.070.400	1.103.014.579
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình	1.930.152.543.569	1.830.970.193.642
Cộng	1.930.174.613.969	1.832.073.208.221

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang được trình bày tại Phụ lục 2 đính kèm.

11. Các khoản đầu tư tài chính**11a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****Ngắn hạn**

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại là 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất là 8,6%/năm.

Dài hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 14 tháng đến 15 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất là 4,8%/năm.

11b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông với số lượng 300.000 cổ phiếu.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12. Phải trả người bán**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	1.694.216.192	1.999.248.631
Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hoà nay là Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy Lợi Miền Nam	1.196.320.882	1.215.145.008
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Việt Nhân	-	255.000.000
Các nhà cung cấp khác	497.895.310	529.103.623
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình	47.085.307.356	33.605.329.244
Công ty Cổ phần Tàu Cuốc	77.568.000	77.568.000
Công ty Cổ phần Thiết bị thủy lợi	302.848.000	302.848.000
Công ty Cổ phần Xây dựng An Khánh	992.559.000	992.559.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Sài Gòn	1.236.376.000	1.236.376.000
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Tín Đạt	3.579.796.000	3.579.796.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Thủy Sản II	844.184.000	1.401.662.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Thới Bình	10.572.243.000	3.309.381.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Tây Bắc	534.371.000	534.371.000
Công ty TNHH Xây dựng Hồng Thủy Việt Nam	1.405.372.000	1.599.732.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Giang Bình	1.186.180.000	2.693.558.000
Các nhà cung cấp khác	26.353.810.356	17.877.478.244
Cộng	48.779.523.548	35.604.577.875

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong đó, công nợ phải trả người bán liên quan mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản là 47.085.307.356 VND (số đầu năm là 33.605.329.244 VND)

12b. Phải trả người bán dài hạn

Các khoản phải trả cho các nhà thầu thực hiện dự án Cải tạo kênh Ba Bò - Xây dựng hồ điều tiết và đoạn 1 tuyến kênh chính.

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động xây dựng	313.279.132	3.513.273.657
Nhận tạm ứng kinh phí phục vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi	54.025.645.507	104.775.472.477
Cộng	54.338.924.639	108.288.746.134

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	189.587.767	4.969.603.864	(4.824.927.837)	-	44.911.740
Thuế thu nhập doanh nghiệp	87.694.036	-	1.133.458.860	(1.088.066.764)	133.086.132	-
Thuế thu nhập cá nhân	97.484.584	-	252.947.877	(312.134.888)	38.297.573	-
Thuế tài nguyên	17.612.412	-	-	(17.612.412)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	312.583.400	(312.583.400)	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	108.222.840	(108.222.840)	-	-
Cộng	202.791.032	189.587.767	6.782.816.841	(6.669.548.141)	171.383.705	44.911.740

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán cây giống: Không chịu thuế
- Cấp nước sạch: 5%
- Xây lắp, cấp nước thô: 8%, 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.245.454.025	(5.045.263.202)
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.063.840.274	10.276.126.274
Thu nhập chịu thuế	6.309.294.299	5.230.863.072
Thu nhập miễn thuế	(642.000.000)	(627.000.000)
Thu nhập tính thuế	5.667.294.299	4.603.863.072
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.133.458.860	920.772.614

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
- Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 5.500 m ²	34.109 VND/m ²
- Số 215 Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú	273.600 VND/m ²

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trích trước chi phí sử dụng nước thô công trình Dầu Tiếng - Phước Hòa	450.000	515.610.749
Chi phí trích trước chi phí sử dụng nước thô cho Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy Lợi Miền Nam	98.012.624	-
Cộng	98.462.624	515.610.749

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	78.950.469	78.950.469
Các khoản bảo hiểm	26.220.880	26.220.880
Nhận ký quỹ ký cược	39.900.000	103.400.000
Chênh lệch thu, chi chưa xử lý của Ban Quản lý dự án	971.492.817	28.216.927
Phải trả các đội thi công – Văn phòng Công ty	-	44.245.012
Các khoản phải trả khác	521.733.870	445.933.870
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>267.258.989</i>	<i>191.458.989</i>
<i>Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình</i>	<i>254.474.881</i>	<i>254.474.881</i>
Cộng	1.638.298.036	726.967.158

16b. Phải trả dài hạn khác

Nhận đặt cọc bảo lãnh thực hiện công trình.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành các công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	621.351.585	286.730.250
Tăng do trích lập	1.292.194.330	374.757.698
Số đã sử dụng	(149.674.524)	-
Số hoàn nhập vào thu nhập	(339.380.616)	(40.136.363)
Số cuối năm	1.424.490.775	621.351.585

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tiền thưởng từ các ban ngành</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.407.114.656	1.959.212.243	30.361.343	(2.174.688.210)	3.222.000.032
Quỹ phúc lợi	2.306.839.351	2.018.625.434	-	(1.585.280.028)	2.740.184.757
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	495.531.253	46.921.976	-	(69.000.000)	473.453.229
Cộng	6.209.485.260	4.024.759.653	30.361.343	(3.828.968.238)	6.435.638.018

19. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.067.798.037	618.179.789
Số trích lập	400.000.000	455.298.387
Hao mòn TSCĐ mua sắm dùng cho mục đích nghiên cứu khoa học công nghệ	(44.478.690)	(5.680.139)
Số đã hình thành TSCĐ phục vụ kinh doanh	(304.642.970)	-
Điều chỉnh khác	(757.352)	-
Cộng	1.117.919.025	1.067.798.037

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 3 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn quản lý khai thác	655.893.456.506	655.893.456.506
Vốn khác của chủ sở hữu	228.839.412.354	228.638.942.074
Cộng	884.732.868.860	884.532.398.580

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	41.839.347.360	29.877.014.018
Doanh thu quản lý khai thác thủy lợi	65.821.649.484	64.696.728.600
Cộng	107.660.996.844	94.573.742.618

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh	32.196.399.362	21.325.032.986
Giá vốn quản lý khai thác thủy lợi	57.900.016.683	56.794.245.411
Cộng	90.096.416.045	78.119.278.397

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.004.838.818	1.044.208.751
Cổ tức được chia	642.000.000	627.000.000
Cộng	1.646.838.818	1.671.208.751

4. Chi phí tài chính

Phí dịch vụ ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	909.226.402	987.464.844
Chi phí vật liệu, bao bì	97.776.876	90.576.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.766.091	10.620.994
Các chi phí khác	155.384.000	880.000
Cộng	1.173.153.369	1.089.541.838

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.081.474.050	11.333.449.553
Chi phí vật liệu quản lý	126.929.428	82.681.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	729.532.344	729.532.364
Thuế, phí và lệ phí	8.889.900	6.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	478.933.875	170.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	197.123.115	213.738.233
Các chi phí khác	2.451.971.645	2.045.273.214
Cộng	17.074.854.357	14.580.674.694

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình đã hết thời hạn bảo hành	339.380.616	40.136.363
Thu nhập khác	946.861.824	64.838.284
Cộng	1.286.242.440	104.974.647

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền bồi thường, hỗ trợ chi phí	-	6.989.780.577
Chi phí khác	-	508.428.762
Cộng	-	7.498.209.339

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.615.459.077	10.582.068.206
Chi phí nhân công	57.277.200.418	53.554.898.312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.937.919.243	2.903.013.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.899.781.638	4.718.159.997
Chi phí khác	22.524.783.604	19.479.246.017
Cộng	104.255.143.980	91.237.386.400

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm, Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Thông tin bổ sung kết quả hoạt động**

Công ty có hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh là: hoạt động công ích và hoạt động kinh doanh khác.

Thông tin về kết quả hoạt động của hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh này được trình bày ở Phụ lục 4 đính kèm.

3. Số liệu so sánh

Trong năm Công ty đã điều chỉnh số liệu các năm trước theo Công văn số 5109/UBND-KT và Công văn số 5137/UBND-KT cùng ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt quyết toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và năm 2017.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Tài sản ngắn hạn	100	88.318.708.865	419.643.636	88.738.352.501
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	23.691.261.449	419.643.636	24.110.905.085
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.331.360.718	419.643.636	1.751.004.354
Tài sản dài hạn	200	2.908.011.685.165	91.705.532	2.908.103.390.697
Tài sản cố định	220	1.066.876.126.741	91.705.532	1.066.967.832.273
Tài sản cố định hữu hình	221	1.066.385.175.515	91.705.532	1.066.476.881.047
Nguyên giá	222	1.169.362.803.484	191.738.550	1.169.554.542.034
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(102.977.627.969)	(100.033.018)	(103.077.660.987)
Tổng cộng tài sản	270	2.996.330.394.030	511.349.168	2.996.841.743.198
Nợ phải trả	300	167.887.732.967	(2.468.012.079)	165.419.720.888
Nợ ngắn hạn	310	166.553.167.730	(2.468.012.079)	164.085.155.651
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	108.297.441.113	(8.694.979)	108.288.746.134
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	194.991.032	7.800.000	202.791.032
Phải trả người lao động	314	13.172.375.858	(1.256.750.000)	11.915.625.858
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	7.419.852.360	(1.210.367.100)	6.209.485.260
Vốn chủ sở hữu	400	2.828.442.661.063	2.979.361.247	2.831.422.022.310
Vốn chủ sở hữu	410	2.627.350.669.007	2.979.361.247	2.630.330.030.254
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(97.434.643.933)	2.979.361.247	(94.455.282.686)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(97.434.643.933)	2.979.361.247	(94.455.282.686)
Tổng cộng nguồn vốn	440	2.996.330.394.030	511.349.168	2.996.841.743.198
Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.619.674.694	(39.000.000)	14.580.674.694
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.308.971.490	39.000.000	2.347.971.490
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(5.084.263.202)	39.000.000	(5.045.263.202)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	912.972.614	7.800.000	920.772.614
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(5.997.235.816)	31.200.000	(5.966.035.816)

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp				
Lợi nhuận trước thuế	01	(5.084.263.202)	39.000.000	(5.045.263.202)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.892.538.363)	39.000.000	(2.853.538.363)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(351.522.655)	(39.000.000)	(390.522.655)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập



Nguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đam
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 1: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tài sản hạ tầng giao thông thủy lợi	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	23.350.403.728	64.103.037.569	9.920.528.795	4.076.226.326	849.714.482.261	218.389.863.355	1.169.554.542.034
Mua trong năm	-	-	-	166.590.909	-	-	166.590.909
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.681.690.236	396.642.918	-	-	-	-	2.078.333.154
Số cuối năm	25.032.093.964	64.499.680.487	9.920.528.795	4.242.817.235	849.714.482.261	218.389.863.355	1.171.799.466.097
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.187.892.087	49.984.187.307	6.131.244.795	3.791.702.646	162.705.680	-	72.257.732.515
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	16.099.616.677	57.102.148.567	8.320.021.324	3.930.256.440	162.705.680	17.462.912.299	103.077.660.987
Khấu hao trong năm	900.296.258	1.524.787.224	419.033.448	20.694.057	-	-	2.864.810.987
Số cuối năm	16.999.912.935	58.626.935.791	8.739.054.772	3.950.950.497	162.705.680	17.462.912.299	105.942.471.974
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	7.250.787.051	7.000.889.002	1.600.507.471	145.969.886	849.551.776.581	200.926.951.056	1.066.476.881.047
Số cuối năm	8.032.181.029	5.872.744.696	1.181.474.023	291.866.738	849.551.776.581	200.926.951.056	1.065.856.994.123
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lậpNguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Phu lục 2: Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang

	Giá trị công trình tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	Chi phí phát sinh trong năm					Quyết toán Ngân sách tăng TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Giá trị công trình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
		Chi phí xây lắp	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	Chi phí quản lý dự án	Chi phí khác	Cộng			
Hệ thống tưới tiêu nước Suối Nhum	188.748.199.646	-	482.154.511	-	-	482.154.511	-	-	189.230.354.157
Phòng chống lụt bão và duy tu sửa chữa các công trình thủy lợi năm 2016 - Hệ thống kênh Đông Cù Chi	4.638.326.000	-	-	-	-	-	-	-	4.638.326.000
Phòng chống lụt bão và duy tu sửa chữa các công trình thủy lợi năm 2016 - Hệ thống công trình thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh	4.240.219.000	-	-	-	-	-	-	-	4.240.219.000
Phòng chống lụt bão và duy tu sửa chữa các công trình thủy lợi năm 2016 - Công trình thủy lợi cây xanh Bà Bếp và công trình thủy lợi Tân Thạnh Đông	4.828.367.000	-	-	-	-	-	-	-	4.828.367.000
Hệ thống công trình thủy lợi An Phú - Phú Mỹ Hưng	108.815.086.000	-	-	-	-	-	-	-	108.815.086.000
Đê bao Sông Sài Gòn từ Rạch Sơn - Cầu Đen	338.599.526.266	-	2.428.860.303	-	11.161.367.782	13.590.228.085	-	-	352.189.754.351
Đê bao Sông Sài Gòn từ Thái Thai - Bến Súc	125.482.461.046	-	-	-	-	-	-	-	125.482.461.046
Đê bao Sông Sài Gòn từ Sông Lu - Láng The	307.882.479.921	-	-	-	2.202.097.091	2.202.097.091	-	-	310.084.577.012
Công trình 05 cống ngăn triều	247.179.142.190	-	(1.469.338.738)	-	-	(1.469.338.738)	(12.113.181.452)	-	233.596.622.000
Kênh đồng Cù Chi	463.942.970.000	-	-	1.338.238.731	95.134.773.000	96.473.011.731	-	-	560.415.981.731
Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi khu vực Hóc Môn - Bình Chánh	12.505.543.000	-	-	-	11.320.000	11.320.000	-	-	12.516.863.000
Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi khu vực Cù Chi	13.289.151.000	-	-	-	-	-	-	-	13.289.151.000
Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi khu vực Thủ Đức	9.951.552.000	-	-	-	-	-	-	-	9.951.552.000
Cải tạo sửa chữa xy lanh thủy lực cống Đá Hàn	867.170.573	-	-	(1.425.000)	7.483.699	6.058.699	-	-	873.229.272
Cải tạo trạm cấp nước số 1 tại khu công nghiệp Tây Bắc	1.027.626.739	397.685.686	-	-	-	397.685.686	-	(1.425.312.425)	-
Khu tái định cư 3,38 ha	-	256.377.811	-	-	-	256.377.811	-	(256.377.811)	-
Hệ bơm biến tăng cấp 2	-	309.029.955	-	-	-	309.029.955	-	(309.029.955)	-
Công trình khác	75.387.840	34.295.523	-	-	-	34.295.523	-	(87.612.963)	22.070.400
Cộng	1.832.073.208.221	997.388.975	1.441.676.076	1.336.813.731	108.517.041.572	112.292.920.354	(12.113.181.452)	(2.078.333.154)	1.930.174.613.969

Thakur

rehab

Nguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 3: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số dư đầu năm trước	655.893.456.506	228.638.942.074	200.470.280	(81.556.896.942)	1.787.245.825.615	165.041.000	2.752.160.609.416
Tăng nguồn vốn từ ngân sách trong năm của Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình	-	-	-	-	92.159.798.638	-	92.159.798.638
Quyết toán các công trình trong năm với ngân sách	-	-	-	-	(39.353.180.173)	-	-
Tăng tài sản quyết toán trong năm	-	-	-	-	-	39.353.180.173	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(5.966.035.816)	-	-	(5.966.035.816)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(6.932.349.928)	-	-	(6.932.349.928)
Số dư cuối năm trước	655.893.456.506	228.638.942.074	200.470.280	(94.455.282.686)	1.840.052.444.080	165.041.000	2.831.422.022.310
Số dư đầu năm nay	655.893.456.506	228.638.942.074	200.470.280	(94.455.282.686)	1.840.052.444.080	165.041.000	2.831.422.022.310
Tăng nguồn vốn từ ngân sách trong năm của Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình	-	-	-	-	94.050.636.639	-	94.050.636.639
Tăng vốn từ quỹ Đầu tư phát triển	-	200.470.280	(200.470.280)	-	-	-	-
Quyết toán các công trình trong năm với ngân sách	-	-	-	-	(12.113.181.452)	-	(12.113.181.452)
Giảm kinh phí phục vụ quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi các năm trước sau phê duyet quyết toán	-	-	-	50.758.521.949	-	-	50.758.521.949
Tăng các chi phí liên quan nhân viên các năm trước sau phê duyệt quyết toán	-	-	-	(314.370.000)	-	-	(314.370.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	1.111.995.165	-	-	1.111.995.165
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.024.759.653)	-	-	(4.024.759.653)
Số dư cuối năm nay	655.893.456.506	228.839.412.354	-	(46.923.895.225)	1.921.989.899.267	165.041.000	2.960.890.864.958


Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập

Nguyễn Thị Hải
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 4: Thông tin về kết quả hoạt động hai mảng kinh doanh

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Hoạt động	Hoạt động	Cộng
		công ích	kinh doanh khác	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	65.821.649.484	41.839.347.360	107.660.996.844
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	65.821.649.484	41.839.347.360	107.660.996.844
4. Giá vốn hàng bán	11	57.900.016.683	32.196.399.362	90.096.416.045
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	7.921.632.801	9.642.947.998	17.564.580.799
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	-	1.646.838.818	1.646.838.818
7. Chi phí tài chính	22	-	4.200.306	4.200.306
Trong đó: chi phí lãi vay	23	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	-	1.173.153.369	1.173.153.369
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.351.386.286	4.723.468.071	17.074.854.357
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(4.429.753.485)	5.388.965.070	959.211.585
11. Thu nhập khác	31	638.827.945	647.414.495	1.286.242.440
12. Chi phí khác	32	-	-	-
13. Lợi nhuận khác	40	638.827.945	647.414.495	1.286.242.440
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(3.790.925.540)	6.036.379.565	2.245.454.025
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	1.133.458.860	1.133.458.860
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(3.790.925.540)	4.902.920.705	1.111.995.165

Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lậpNguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Văn Đam
Tổng Giám đốc